

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Tài chính ngân hàng
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Tài chính ngân hàng
Tên Tiếng Anh	: Finance – Banking
Loại hình đào tạo	: Liên thông Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: D340201

(Ban hành kèm theo Quyết định số...555.../QĐ – ĐT, ngày...24...tháng...11...năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo Sinh viên tốt nghiệp có trình độ Đại học – chuyên ngành tài chính-ngân hàng có đủ kiến thức cơ bản, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất – đạo đức chính trị, sức khỏe để có thể đảm nhận các công việc được giao trong lĩnh vực ngân hàng, các cơ quan bảo hiểm, công ty chứng khoán, các tổ chức tín dụng, và các định chế tài chính và với nhiệm vụ của người quản lý tài chính, đồng thời có khả năng tự nghiên cứu để phát triển trình độ chuyên môn cao hơn. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng tin học thành thạo, đặc biệt là các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; đồng thời, có khả năng sử dụng Tiếng Anh lưu loát và có năng lực giao tiếp Tiếng Anh tốt trong các công ty đa quốc gia hoặc các ngân hàng thương mại nước ngoài.

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung

Có hiểu biết về cơ bản nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng CSVN, tư tưởng Hồ Chí Minh, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Tiền tệ Ngân hàng, thị trường tài chính. Huấn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt là kỹ năng phân tích dữ liệu về tài chính, sử dụng các mô hình kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính để phân tích các hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính, phân tích dòng tiền và hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả của nhà đầu tư, các cổ đông và làm tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, thông qua thực hiện chính sách thuế.

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

Đạt trình độ B tiếng Anh; đạt trình độ B tin học; các kỹ năng mềm.

1.2. Kỹ năng

Có khả năng phân tích thị trường tài chính, hệ thống tài chính ngân hàng, khảo sát, nghiên cứu để làm việc nhóm và nâng cao khả năng đảm nhận công việc được giao trong môi trường công tác sau này (như làm cán bộ tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, và đặc biệt là đội ngũ nhân lực phân tích kỹ thuật về tài chính ngân hàng, có thể trở thành nhà môi giới và kinh doanh, phân tích chứng khoán trong các tổ chức tín dụng ngân hàng và phi ngân hàng trong và ngoài nước.

1.3. Thái độ

Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; biết tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các chính sách của nhà nước, trung thực, có ý thức trách nhiệm xã hội trong nghề nghiệp; biết tôn trọng sự thật.

Có khả năng chịu đựng áp lực của nghề nghiệp. Thận trọng, có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp, có cơ hội làm việc ở các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng của mọi thành phần kinh tế từ trung ương đến địa phương; có cơ hội rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm để sau này có cơ hội trở thành những giám đốc tài chính của doanh nghiệp, và các nhà đầu tư tương lai.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 1.5 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 71 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 1,5 năm với 5 kỳ, trong đó 4 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 08 năm 2007, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư 57/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2012, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 388/QĐ – NTT ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Hiệu trưởng trường đại học Nguyễn Tất Thành.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10)	: GIỎI.
B – (7,0 -> 8,4)	: KHÁ
C – (5,5 -> 6,9)	: TRUNG BÌNH
D – (4,0 -> 5,4)	: TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4,0)	: KÉM.
----------------	--------

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

- A tương ứng với 4.
- B tương ứng với 3.
- C tương ứng với 2.
- D tương ứng với 1.
- F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 18 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Khoa học xã hội – nhân văn nghệ thuật: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
2	072387	Kỹ năng bán hàng	2	30	0	
		Tổng	2	30	0	

7.1.2. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
3	070411	TOEIC 3	3	30	30	
4	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
5	001799	TOEIC 5	3	30	30	070412(a)
6	071104	TOEIC 6	3	30	30	001799(a)
		Tổng	12	120	120	

7.1.3. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
7	071340	Qui hoạch tuyến tính	2	30	0	
8	001030	Xác suất thống kê	2	30	0	
		Tổng	4	60	0	

7.1.4. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	000590	Giáo dục thể chất	1	15	15	

		Tổng	1	15	15	
--	--	-------------	----------	-----------	-----------	--

7.1.5. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
10	000586	Giáo dục quốc phòng	1	7	23	
		Tổng	1	7	23	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 53 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
11	000841	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	
12	070388	Lý thuyết Tài chính tiền tệ 2	3	45	0	
		Tổng	6	90	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 40 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	071594	Đầu tư kinh doanh bất động sản	3	45	0	
14	070383	Phân tích đầu tư chứng khoán	3	45	0	070388(a)
15	070368	Tiếng Anh chuyên ngành 3	2	30	0	
16	070369	Tiếng Anh chuyên ngành 4	2	30	0	070368(a)
17	070392	Tài chính doanh nghiệp 2	3	45	0	070388(a)
18	070389	Tài chính công	3	45	0	
19	070394	Tài chính quốc tế	3	45	0	
20	070398	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	45	0	070388(a)
21	070379	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	0	070388(a)
22	070382	Phân tích báo cáo tài chính	3	45	0	
23	070374	Lập mô hình tài chính	3	45	0	070392(a)
24	070380	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3	45	0	070388(a)
25	070395	Thẩm định tín dụng	3	45	0	070379(a)
26	071845	Quản trị tài sản và nợ	3	45	0	070379(a)
		Tổng	40	600	0	

7.2.3. Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 7 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
27	070372	Khóa luận tốt nghiệp	7	15	180	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
28	071536	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	0	
29	071537	Hệ thống thông tin tài chính NH	2	30	0	

30	071535	Quản lý danh mục đầu tư	2	30	0	070392(a)
		Tổng	7	15	180	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				14			
1	000586	Giáo dục quốc phòng	0103000586	1	7	23	
2	000590	Giáo dục thể chất	0103000590	1	15	15	
3	000841	Kinh tế vĩ mô	0103000841	3	45	0	
4	001030	Xác suất thống kê	0103001030	2	30	0	
5	070382	Phân tích báo cáo tài chính	0103070382	3	45	0	
6	070388	Lý thuyết Tài chính tiền tệ 2	0103070388	3	45	0	
7	070411	TOEIC3	0103070411	3	30	30	
Học phần tự chọn				2			
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	0103070006	2	30	0	
2	072387	Kỹ Năng bán hàng	0103072387	2	30	0	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				16			
1	070368	Tiếng Anh chuyên ngành 3	0103070368	2	30	0	
2	070379	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại	0103070379	3	45	0	070388(a)
3	070392	Tài chính doanh nghiệp 2	0103070392	3	45	0	070388(a)
4	070394	Tài chính quốc tế	0103070394	3	45	0	
5	070412	TOEIC4	0103070412	3	30	30	070411(a)
6	071340	Qui hoạch tuyến tính	0103071340	2	30	0	
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				17			
1	001799	TOEIC5	0103001799	3	30	30	070412(a)
2	070369	Tiếng Anh chuyên ngành 4	0103070369	2	30	0	070368(a)
3	070383	Phân tích đầu tư chứng khoán	0103070383	3	45	0	070388(a)
4	070389	Tài chính công	0103070389	3	45	0	
5	070398	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	0103070398	3	45	0	070388(a)
6	071594	Đầu tư kinh doanh bất động sản	0103071594	3	45	0	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				15			
1	070374	Lập mô hình tài chính	0103070374	3	45	0	070392(a)

2	070380	Nghệp vụ ngân hàng trung ương	0103070380	3	45	0	070388(a)
3	070395	Thẩm định tín dụng	0103070395	3	45	0	070379(a)
4	071104	TOEIC6	0103071104	3	30	30	001799(a)
5	071845	Quản trị tài sản và nợ	0103071845	3	45	0	070379(a)
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				0			
Học phần tự chọn				7			
1	070372	Khóa luận tốt nghiệp	0103070372	7	15	180	
2	071535	Quản lý danh mục đầu tư	0103071535	2	30	0	070392(a)
3	071536	Chuyên đề tốt nghiệp	0103071536	3	45	0	
4	071537	Hệ thống thông tin tài chính NH	0103071537	2	30	0	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Kỹ năng bán hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nắm bắt nhu cầu khách hàng bao gồm cả người tiêu dùng và các tổ chức để trở thành những nhân viên bán hàng chuyên nghiệp gồm một số kỹ năng như kỹ năng khám phá nhu cầu, kỹ năng trình bày lợi ích sản phẩm, kỹ năng xử lý phản đối và chăm sóc khách hàng sau khi bán hàng.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: (TOEIC 4)

Nội dung: Học phần TOEIC 5. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 2). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: (TOEIC 5)

Nội dung: Học phần TOEIC 6. AVTT hoàn các kỹ năng với bài thi TOEIC chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC theo yêu cầu đầu ra.

Giáo dục thể chất: 1 (15, 15, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 1 (7, 23, 20)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Xác suất thống kê: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Lý thuyết xác suất thống kê giới thiệu các kiến thức bao gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan.

Qui hoạch tuyến tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : - Các khái niệm về bài toán quy hoạch tuyến tính (QHTT), các dạng của bài toán QHTT, phương pháp đơn hình giải bài toán QHTT. - Bài toán QHTT chứa tham số ở hàm mục tiêu - Bài toán vận tải và các ứng dụng - Phương pháp sơ đồ mạng Per.

Kinh tế vĩ mô: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về: Khái quát về kinh tế vĩ mô, Cách tính sản lượng quốc gia, Lý thuyết xác định sản lượng cân bằng quốc gia, Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương, Tiền tệ ngân hàng và chính sách tiền tệ, Mô hình IS-LM, Mô hình tổng cung tổng cầu, Lạm phát và thất nghiệp, Phân tích vĩ mô trong nền kinh tế mở.

Lý thuyết tài chính tiền tệ 2: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ cho sinh viên học trong khối ngành kinh tế để đáp ứng với xu hướng giáo dục hiện nay.

Phân tích báo cáo tài chính: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phân tích BCTC là môn học thuộc phần kiến thức ngành nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp phân tích tài chính dựa trên báo cáo tài chính doanh nghiệp, cụ thể: Phân tích tổng quát tình hình tài chính của DN, phân tích tình hình thanh toán và khả năng thanh toán, phân tích hiệu quả hoạt động, phân tích tình hình đầu tư và cơ cấu tài chính, phân tích hiệu quả sử dụng vốn, phân tích tình hình đầu tư và cơ cấu tài chính, phân tích khả năng sinh lời, phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Đầu tư kinh doanh bất động sản: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sinh viên được giới thiệu về đầu tư kinh doanh bất động sản, thị trường bất động sản và một số khía cạnh pháp lý liên quan đến đầu tư kinh doanh bất động sản. -Giới thiệu cho sinh viên các chính sách của chính phủ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư như thế nào. - Môn học này cũng đề cập các dịch vụ về bất động sản, định giá và thẩm định bất động sản.

Phân tích đầu tư chứng khoán: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Lý thuyết tài chính tiền tệ 2).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về phân tích và đầu tư chứng khoán như: Các phương pháp và nội dung của phân tích chứng khoán, định giá chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu, các bước để tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán, cách phân bổ vốn đầu tư, các chiến lược đầu tư chứng khoán hiệu quả, lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, cách thức xây dựng và quản lý một danh mục đầu tư chứng khoán hiệu quả...

Tiếng Anh chuyên ngành 3: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giao tiếp thông thạo trong môi trường làm việc quốc tế cũng như trong công việc làm kinh doanh sau này. Ngoài ra còn mở rộng kiến thức không những về môi trường kinh doanh trong nước mà còn trong môi trường kinh doanh quốc tế. Nội dung quyển Market Leader trình độ trung cấp: + Pre- Intermediate Business English Course Nội dung bao gồm những đề tài có liên quan đến môi trường làm việc trong các công ty, các thương hiệu, mua bán, giải quyết mâu thuẫn, giao tiếp nơi công sở. Mỗi bài có Case Study giúp sinh viên thảo luận nhóm, những tình huống thực tế trong kinh doanh. Từng đơn vị bài học học sinh có thể hiểu và biết được cách viết e-mail, CV, báo cáo, hợp đồng kinh doanh bằng tiếng Anh, cũng như cách tính tài chính của một Công ty.

Tiếng Anh chuyên ngành 4: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Anh chuyên ngành 3).

Nội dung: giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giao tiếp thông thạo trong môi trường làm việc quốc tế cũng như trong công việc làm kinh doanh sau này. Ngoài ra còn mở rộng kiến thức không những về môi trường kinh doanh trong nước mà còn trong môi trường kinh doanh quốc tế. Nội dung quyển Market Leader trình độ trung cấp: + Pre- Intermediate Business English Course Nội dung bao gồm những đề tài có liên quan đến môi trường làm việc trong các công ty, các thương hiệu, mua bán, giải quyết mâu thuẫn, giao tiếp nơi công sở. Mỗi bài có Case Study giúp sinh viên thảo luận nhóm, những tình huống thực tế trong kinh doanh. Từng đơn vị bài học học sinh có thể hiểu và biết được cách viết e-mail, CV, báo cáo, hợp đồng kinh doanh bằng tiếng Anh, cũng như cách tính tài chính của một Công ty.

Tài chính doanh nghiệp 2: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Lý thuyết tài chính tiền tệ 2).

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, phân tích và quyết định thuê tài sản, hiểu được doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong doanh nghiệp, biết cách xác định điểm hòa vốn và các đòn bẩy trong doanh nghiệp, tính được chi phí sử dụng vốn, xác định cơ cấu vốn và thực hiện chính sách cổ tức trong doanh nghiệp.

Tài chính công: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công.

Tài chính quốc tế: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: giới thiệu cho các sinh viên các khía cạnh quốc tế của tài chính. Nền kinh tế quốc tế đóng vai trò ngày càng quan trọng, đặc biệt là lĩnh vực tài chính và sinh viên cần nhận thức được các vấn đề rủi ro cũng như các cơ hội của sự phát triển này. Tài chính quốc tế khác với tài chính trong nước về việc đề cập đến các yếu tố ngoại tệ phổ biến trong các giao dịch và việc sử dụng các chính sách tài chính, tiền tệ của quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu cân bằng trong giao dịch quốc tế cũng như đảm bảo các mục tiêu cân bằng trong nước.

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Lý thuyết tài chính tiền tệ 2).

Nội dung: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng đánh giá, thẩm định dự án đầu tư nhằm mục đích phát hiện và ngăn chặn những dự án xấu, không bỏ sót các dự án tốt trong điều kiện giới hạn về nguồn lực. Môn học này sẽ giúp cho người học nhận diện được vai trò quan trọng của việc lập và thẩm định dự án đầu tư trong sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung. Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về việc thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, các phương pháp phân tích hiệu quả tài chính, phân tích kinh tế dự án đầu tư, các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, thẩm định hiệu quả kinh tế,...củng cố thêm kiến thức cho sinh viên thông qua các bài tập thực hành về phân tích kinh tế dự án sản xuất.

Nghịệp vụ ngân hàng thương mại: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Lý thuyết tài chính tiền tệ 2).

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghịệp vụ ngân hàng thương mại như: chức năng và hoạt động của ngân hàng thương mại, đánh giá hoạt động của ngân hàng thương mại, nghịệp vụ huy động tiền gửi, nghịệp vụ huy động vốn qua phát hành chứng từ có giá, những vấn đề cơ bản về hoạt động tín dụng của nhtm, nghịệp vụ cho vay khách hàng doanh nghiệp, nghịệp vụ cho thuê tài sản nghịệp vụ bao thanh toán – factoring, các nghịệp vụ cấp tín dụng khác dành cho doanh nghiệp.

Lập mô hình tài chính: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính doanh nghiệp 2).

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập các mô hình tài chính để ứng dụng giải quyết các bài toán tài chính, phân tích đánh giá, thẩm định tài chính trên cơ sở sử dụng các mô hình tài chính và phần mềm Excel. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên nhận diện được vai trò quan trọng của các mô hình tài chính trong sự phát triển của ngành tài chính – ngân hàng nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Nghịệp vụ ngân hàng trung ương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Lý thuyết tài chính tiền tệ 2).

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các mặt hoạt động nghịệp vụ của NHTW trên cơ sở đó giúp người học vận dụng tốt kiến thức được trang bị để xử lý các hoạt động tiền tệ, tín dụng, thanh toán và quản lý ngoại hối.

Thẩm định tín dụng: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghịệp vụ ngân hàng thương mại).

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: Khái quát về thẩm định tín dụng và nghiệp vụ cho vay khách hàng doanh nghiệp, thẩm định tín dụng ngắn hạn, thẩm định tín dụng trung và dài hạn, thẩm định tài trợ xuất nhập khẩu, phân tích tín dụng và quyết định cho vay, xếp hạng tín dụng doanh nghiệp, thẩm định tín dụng và quyết định cho vay trung và dài hạn.

Quản trị tài sản và nợ: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghịệp vụ ngân hàng thương mại).

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị tài sản nợ, tài sản có và rủi ro trong kinh doanh ngân hàng. Học phần tập trung quản lý các tài sản nợ và tài sản có trong ngân hàng, phân tích các loại rủi ro đặc thù như rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối và rủi ro thanh khoản.

Hệ thống thông tin tài chính NH: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần trình bày tổng quan về các ứng dụng của tin học cơ bản phục vụ cho khối ngành kinh tế. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kỹ năng về ứng dụng lập các mẫu văn bản tài chính Microsoft Word, kỹ năng tính toán, lập báo cáo trên phần mềm ứng dụng Microsoft Excel, kỹ năng trình bày, phục vụ cho công tác phân tích, thống kê trong Tài chính – Ngân hàng.

Quản lý danh mục đầu tư: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tài chính doanh nghiệp 2).

Nội dung: Đây là môn học nâng cao, môn học cung cấp các kiến thức căn bản và chuyên sâu về Quản trị danh mục đầu tư. Thông qua môn học, sinh viên nhận biết được các khái niệm cơ bản trong quản trị danh mục đầu tư như mức sinh lời của danh mục đầu tư, xác định lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư, thiết lập danh mục đầu tư tối ưu, phân biệt mô hình định giá tài sản vốn và mô hình 3 nhân tố, và hiểu rõ các lý thuyết về thị trường hiệu quả...

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Ái Cẩm

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

ThS. Trần Hồng Quỳnh

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. PHAN THỊ GIÁC

